

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-5-2021.

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-01-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Trần Mạnh T chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-02-2009 tại Ủy ban Nhân dân xã Vũ T1, huyện Vũ T2, tỉnh Thái Bình, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh T là do trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh T có lối sống ích kỷ,

không quan tâm đến vợ, con nên vợ, chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Chị và anh T vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng và không còn quan tâm lẫn nhau khoảng 03, 04 năm nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 29-4-2011 và Trần Thu G, sinh ngày 22-9-2013, hiện đang sống với vợ, chồng. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu H, G và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng, 02 cháu là 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi các cháu H, G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Mạnh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Phạm Thị Ngọc B về thời gian chung sống vợ, chồng, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

Về con chung: Có 02 cháu như chị B trình bày. Nay anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Minh H và đồng ý giao cháu Trần Thu G cho chị B nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2021, anh trình bày để anh suy nghĩ và thông báo cho Tòa án sau về yêu cầu chia tài sản chung. Nhưng sau đó, anh không có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, mặc dù đã được Tòa án thông báo và ấn định thời gian.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc B và anh Trần Mạnh T; về con chung: Giao 02 cháu Trần Minh H, sinh ngày 29-4-2011 và Trần Thu G, sinh ngày 22-9-2013 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và G mỗi cháu là 1.000.000 đồng/

tháng, 02 cháu là 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi các cháu H và G đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị B và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc B là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Mạnh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc B và anh Trần Mạnh T chung sống vợ, chồng và đăng ký kết hôn ngày 02-02-2009 tại Ủy ban Nhân dân xã Vũ T1, huyện Vũ T2, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong thời gian chung sống chị B và anh T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng cự cãi, gây gổ và không còn quan tâm lẫn nhau khoảng 02, 03 năm nay (BL số 22, 23, 29). Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị B và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 29-4-2011 và Trần Thu G, sinh ngày 22-9-2013. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng, 02 cháu là 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi các cháu H, G đủ 18 tuổi. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và đồng ý giao cháu G cho chị B nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hai cháu H, G đều có nguyện vọng được sinh sống với mẹ và chênh lệch độ tuổi không lớn nên cần giao 02 cháu cho một bên nuôi dưỡng để đảm bảo về mặt tâm sinh lý của các cháu không bị ảnh hưởng khi cha mẹ ly hôn và xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao 02 cháu H, G cho chị B nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng, 02 cháu là 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi các cháu H và G đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, mặc dù đã được Tòa án thông báo và ấn định thời gian (BL số 26, 28) nên về tài sản chung của chị B và anh T, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc B và anh Trần Mạnh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Minh H, sinh ngày 29-4-2011 và Trần Thu G, sinh ngày 22-9-2013 cho chị Phạm Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Trần Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Trần Minh H và Trần Thu G mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng, 02 cháu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi các cháu Trần Minh H và Trần Thu G đủ 18 tuổi. Kể từ ngày chị Phạm Thị Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Mạnh T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, thì anh Trần Mạnh T còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Trần Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Mạnh T không có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc B và anh Trần Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001579, ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Phạm Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Mạnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Vũ T1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng